Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8547.90.10

Mã HS	8547.90.10
Mô tả hàng hóa	Phụ kiện cách điện dùng cho máy điện, dụng cụ điện hoặc thiết bị điện, được làm hoàn toàn bằng vật liệu cách điện trừ một số phụ kiện thứ yếu bằng kim loại (ví dụ, phần ống có ren) đã làm sẵn khi đúc chủ yếu để lắp, trừ cách điện thuộc nhóm 85.46; ống dẫn dây điện và các khớp nối của chúng, bằng kim loại cơ bản được lót lớp vật liệu cách điện / - Loại khác: / - - Ống dẫn dây điện và các khớp nối của chúng, làm bằng kim loại cơ bản được lót bằng vật liệu cách điện
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 19:48:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85479010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16131
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16131
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16131
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15481
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15410
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15410
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15410
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15410
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15410
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15410
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15466
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15466
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15466
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15466

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15466
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15466
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15467
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15467
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15467
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15467
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15467
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15467
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15468
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15416
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15424
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15424
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15424
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15424
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15424
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15424
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15464
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15464
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15464
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15464
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15464
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15464
VCFTA	2022	2022	1	VC!D15526
VCFTA	2023	2023	1	VC!E15526
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15526
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15526

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15526
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15526
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15500
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15500
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15500
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15500
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15500
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15500
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15503
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15503
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15503
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15503
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15503
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15503
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15509
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15509
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15509
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15509
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15509
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15509
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15508
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15508
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15508
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15508
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15508
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15508

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15497
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15497
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15497
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15497
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15497
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15497
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15497
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15491
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15491
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15491
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15491
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15491
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15491
RCEP B	2022	2022	0	B!D15491
RCEP B	2023	2023	0	B!E15491
RCEP B	2024	2024	0	B!F15491
RCEP B	2025	2025	0	B!G15491
RCEP B	2026	2026	0	B!H15491
RCEP B	2027	2027	0	B!I15491
RCEP C	2022	2022	0	C!D15491
RCEP C	2023	2023	0	C!E15491
RCEP C	2024	2024	0	C!F15491
RCEP C	2025	2025	0	C!G15491
RCEP C	2026	2026	0	C!H15491
RCEP C	2027	2027	0	C!I15491
RCEP D	2022	2022	0	D!D15490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15490
RCEP D	2024	2024	0	D!F15490
RCEP D	2025	2025	0	D!G15490
RCEP D	2026	2026	0	D!H15490
RCEP D	2027	2027	0	D!I15490
RCEP E	2022	2022	0	E!D15494
RCEP E	2023	2023	0	E!E15494
RCEP E	2024	2024	0	E!F15494
RCEP E	2025	2025	0	E!G15494
RCEP E	2026	2026	0	E!H15494
RCEP E	2027	2027	0	E!I15494
RCEP F	2022	2022	0	F!D15491
RCEP F	2023	2023	0	F!E15491
RCEP F	2024	2024	0	F!F15491
RCEP F	2025	2025	0	F!G15491
RCEP F	2026	2026	0	F!H15491
RCEP F	2027	2027	0	F!I15491
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14452
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14452
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14452
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14452

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8547.90 có 2 dòng thuế; dòng 8547.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ống dẫn dây điện và các khớp nối của chúng, làm bằng kim loại cơ bản được lót bằng vật liệu cách điện.	8547.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8547.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8547.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16131), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.